

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29 

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|----------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200285 | NGÔ ĐỨC CƯỜNG        | 16/04/1984 | Chẩn đoán hình ảnh   | 202A      |             |
| 2  | 02200402 | NGUYỄN HỮU THẮNG     | 02/02/1990 | Chẩn đoán hình ảnh   | 202A      |             |
| 3  | 02200401 | ĐOÀN NGỌC TRUNG      | 24/05/1992 | Chẩn đoán hình ảnh   | 202A      |             |
| 4  | 02200489 | NGUYỄN THỊ KIM TIỀN  | 15/10/1993 | Da liễu              | 202A      |             |
| 5  | 02200856 | TRẦN VĂN NAM         | 19/05/1994 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 202A      |             |
| 6  | 02200429 | PHẠM THU THỦY        | 23/04/1986 | Dinh dưỡng           | 202A      |             |
| 7  | 02200421 | NGUYỄN THỊ DIỆU LINH | 16/12/1992 | Gây mê hồi sức       | 202A      |             |
| 8  | 02200158 | TRẦN THỊ THU HOÀI    | 21/01/1991 | Hồi sức cấp cứu      | 202A      |             |
| 9  | 02200820 | NGUYỄN HỮU KIÊN      | 13/10/1991 | Hồi sức cấp cứu      | 202A      |             |
| 10 | 02200442 | NGUYỄN THỊ NGỌC      | 02/01/1993 | Hồi sức cấp cứu      | 202A      |             |
| 11 | 02200608 | KHÔNG VĂN TẾ         | 15/02/1987 | Hồi sức cấp cứu      | 202A      |             |
| 12 | 02200211 | NGUYỄN TỔNG THỐNG    | 16/12/1997 | Kỹ thuật y học       | 202A      |             |
| 13 | 02200797 | NGUYỄN XUÂN HẢI      | 16/07/1991 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 14 | 02200337 | NGUYỄN MẠNH HÙNG     | 10/09/1990 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 15 | 02200660 | BÙI TUẤN NAM         | 23/09/1990 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 16 | 02200167 | NGUYỄN THÀNH NAM     | 15/02/1993 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 17 | 02200130 | ĐẶNG VIỆT NGỌC       | 24/03/1993 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 18 | 02200651 | LÊ HỒNG QUÂN         | 01/02/1993 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 19 | 02200556 | PHẠM VŨ ANH QUANG    | 16/05/1993 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 20 | 02200807 | NGUYỄN TRỌNG THỨC    | 07/09/1990 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 21 | 02200790 | VŨ THANH TÙNG        | 14/02/1992 | Ngoại khoa           | 202A      |             |
| 22 | 02200638 | PHƯƠNG THỊ LÀNH      | 25/09/1992 | Nhãn khoa            | 202A      |             |
| 23 | 02200067 | NGUYỄN HUY TÂN       | 06/09/1991 | Nội khoa             | 202A      |             |
| 24 | 02200500 | NGUYỄN PHƯƠNG THÙY   | 16/07/1991 | Nội khoa             | 202A      |             |
| 25 | 02200314 | HOÀNG THỊ THANH HOA  | 12/08/1993 | Nội Tim mạch         | 202A      |             |
| 26 | 02200113 | VŨ NGỌC LINH         | 31/07/1991 | Nội Tim mạch         | 202A      |             |
| 27 | 02200596 | NGUYỄN THỊ VỸ        | 13/05/1985 | Nội Tim mạch         | 202A      |             |
| 28 | 02200355 | NGUYỄN NGỌC ÁNH      | 30/01/1991 | Phục hồi chức năng   | 202A      |             |
| 29 | 02200505 | TRẦN PHƯƠNG LINH     | 04/06/1991 | Răng - Hàm - Mặt     | 202A      |             |
| 30 | 02200497 | NGUYỄN THỊ OANH      | 08/09/1988 | Răng - Hàm - Mặt     | 202A      |             |
| 31 | 02200655 | LƯU MINH QUANG       | 07/04/1990 | Răng - Hàm - Mặt     | 202A      |             |
| 32 | 02200038 | PHẠM THANH THUÝ      | 18/12/1990 | Tai - Mũi - Họng     | 202A      |             |
| 33 | 02200761 | LÊ BÁ TUẤN           | 12/12/1991 | Thần kinh            | 202A      |             |
| 34 | 02200400 | PHẠM THỊ HẰNG        | 11/05/1991 | Ung thư              | 202A      |             |
| 35 | 02200424 | PHÙNG NGỌC NAM       | 10/04/1990 | Ung thư              | 202A      |             |
| 36 | 02200416 | NGÔ THỊ PHƯƠNG       | 25/05/1992 | Ung thư              | 202A      |             |
| 37 | 02200022 | ĐÀM MINH SƠN         | 28/05/1988 | Ung thư              | 202A      |             |
| 38 | 02200177 | LÊ THỊ THU HÀ        | 28/08/1987 | Y học cổ truyền      | 202A      |             |
| 39 | 02200243 | ĐỖ THỊ THU HUYỀN     | 25/10/1988 | Y học cổ truyền      | 202A      |             |
| 40 | 02200677 | BÙI THỊ MẾN          | 05/08/1991 | Y học cổ truyền      | 202A      |             |
| 41 | 02200690 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH | 06/01/1994 | Y học dự phòng       | 202A      |             |
| 42 | 02200464 | ĐẶNG THỊ HƯƠNG       | 15/10/1993 | Y học dự phòng       | 202A      |             |



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29 

| TT | SBD      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|---------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 43 | 02200682 | HÀ TÙNG LÂM         | 21/08/1988 | Y học dự phòng       | 202A      |             |
| 44 | 02200191 | BÙI THỊ MINH PHƯƠNG | 25/05/1989 | Y học dự phòng       | 202A      |             |
| 45 | 02200885 | TRẦN VĂN THIỆN      | 02/08/1988 | Y học dự phòng       | 202A      |             |
| 46 | 02200840 | PHAN NGỌC PHÚ QUỲ   | 24/06/1993 | Y sinh học di truyền | 202A      |             |

Tổng số: 46

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200269 | DƯƠNG ĐỨC HỮU          | 17/10/1992 | Chẩn đoán hình ảnh     | 202B      |             |
| 2  | 02200319 | THÂN THỊ MINH NGUYỆT   | 11/12/1991 | Chẩn đoán hình ảnh     | 202B      |             |
| 3  | 02200665 | ĐỖ MINH TRÍ            | 24/12/1992 | Chẩn đoán hình ảnh     | 202B      |             |
| 4  | 02200483 | LÊ HỮU TÝ              | 10/10/1989 | Chẩn đoán hình ảnh     | 202B      |             |
| 5  | 02200245 | PHẠM THỊ KIỀU LOAN     | 21/07/1992 | Da liễu                | 202B      |             |
| 6  | 02200577 | TRẦN THỊ HẬU           | 06/05/1991 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 7  | 02200582 | HÀ THỊ MAI HƯƠNG       | 05/02/1987 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 8  | 02200272 | HOÀNG NGỌC KHÁNH       | 01/10/1989 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 9  | 02200132 | ĐOÀN THỊ MÈN           | 13/07/1982 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 10 | 02200848 | TRẦN THỊ NGUYỆT        | 25/06/1986 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 11 | 02200322 | NGUYỄN THỊ THỦY        | 27/07/1994 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 202B      |             |
| 12 | 02200684 | NGUYỄN THỊ LOAN        | 20/08/1988 | Dinh dưỡng             | 202B      |             |
| 13 | 02200350 | NGUYỄN THỊ NHUNG       | 26/01/1992 | Dinh dưỡng             | 202B      |             |
| 14 | 02200189 | NGUYỄN THỊ HẢI         | 01/11/1991 | Giải phẫu bệnh         | 202B      |             |
| 15 | 02200448 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH    | 11/02/1994 | Hóa sinh Y học         | 202B      |             |
| 16 | 02200306 | NGÔ XUÂN HIỆU          | 26/09/1992 | Hồi sức cấp cứu        | 202B      |             |
| 17 | 02200487 | NGUYỄN THỊ XUÂN        | 28/03/1992 | Huyết học - Truyền máu | 202B      |             |
| 18 | 02200389 | NGUYỄN THỊ OANH        | 22/12/1990 | Kỹ thuật y học         | 202B      |             |
| 19 | 02200032 | PHAN MINH TRANG        | 01/07/1988 | Kỹ thuật y học         | 202B      |             |
| 20 | 02200204 | VŨ KHANG NINH          | 29/11/1990 | Ngoại khoa             | 202B      |             |
| 21 | 02200258 | TRẦN HỒNG QUÂN         | 20/08/1991 | Ngoại khoa             | 202B      |             |
| 22 | 02200615 | NGUYỄN QUỐC AN         | 29/12/1992 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 23 | 02200533 | PHẠM THỊ THU HẰNG      | 27/05/1989 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 24 | 02200065 | NGUYỄN THỊ THANH HOA   | 06/11/1989 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 25 | 02200375 | LÊ THỊ HƯƠNG           | 28/12/1990 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 26 | 02200406 | ĐINH THỊ KHUYÊN        | 12/12/1991 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 27 | 02200773 | ĐÀO THỊ THANH MAI      | 13/10/1988 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 28 | 02200726 | LÊ THỊ LÊ NY           | 02/10/1989 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 29 | 02200098 | HOÀNG THỊ THU TRANG    | 22/09/1992 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 30 | 02200458 | LÊ ANH TUẤN            | 15/05/1993 | Nội khoa               | 202B      |             |
| 31 | 02200880 | LÝ QUỐC CHÍNH          | 25/10/1982 | Phẫu thuật tạo hình    | 202B      |             |
| 32 | 02200273 | NGUYỄN VĂN PHÚC        | 14/02/1992 | Phẫu thuật tạo hình    | 202B      |             |
| 33 | 02200816 | NGUYỄN XUÂN SƠN        | 19/08/1983 | Phẫu thuật tạo hình    | 202B      |             |
| 34 | 02200472 | NGUYỄN THỊ KHOA        | 25/11/1990 | Phục hồi chức năng     | 202B      |             |
| 35 | 02200664 | VŨ ĐÌNH CÔNG           | 30/12/1992 | Răng - Hàm - Mặt       | 202B      |             |
| 36 | 02200383 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 08/09/1985 | Răng - Hàm - Mặt       | 202B      |             |
| 37 | 02200035 | LÊ THỊ THU             | 28/12/1988 | Răng - Hàm - Mặt       | 202B      |             |
| 38 | 02200432 | ĐINH THẾ ANH           | 16/09/1991 | Sản phụ khoa           | 202B      |             |
| 39 | 02200017 | TRƯƠNG VĂN THUYỀN      | 15/03/1990 | Sản phụ khoa           | 202B      |             |
| 40 | 02200293 | HOÀNG THỊ HOÀ BÌNH     | 12/12/1983 | Tai - Mũi - Họng       | 202B      |             |
| 41 | 02200307 | ĐINH KHẮC DŨNG         | 28/12/1990 | Ung thư                | 202B      |             |
| 42 | 02200223 | NGUYỄN VIỆT NGHĨA      | 28/05/1992 | Ung thư                | 202B      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 43 | 02200030 | TRẦN NAM KHÁNH         | 08/09/1992 | Y học cổ truyền     | 202B      |             |
| 44 | 02200851 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUY | 13/08/1988 | Y học dự phòng      | 202B      |             |

Tổng số: 44

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29 

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200015 | ĐỖ HẢI HÀ             | 21/10/1992 | Chẩn đoán hình ảnh   | 203       |             |
| 2  | 02200376 | ĐỖ VĂN QUYẾT          | 09/11/1981 | Chẩn đoán hình ảnh   | 203       |             |
| 3  | 02200754 | NGỌ VĂN THỌ           | 04/11/1986 | Chẩn đoán hình ảnh   | 203       |             |
| 4  | 02200027 | PHẠM KIỀU HUYỀN TRANG | 20/12/1994 | Chẩn đoán hình ảnh   | 203       |             |
| 5  | 02200088 | TRẦN THỊ THANH        | 30/10/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 203       |             |
| 6  | 02200102 | NGUYỄN THỊ THUÝ       | 10/08/1988 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 203       |             |
| 7  | 02200836 | HOÀNG ANH TÚ          | 30/09/1986 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 203       |             |
| 8  | 02200656 | NGÔ ANH VĂN           | 04/01/1975 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 203       |             |
| 9  | 02200362 | NGUYỄN THỊ DUYỀN      | 02/10/1997 | Dinh dưỡng           | 203       |             |
| 10 | 02200493 | LÊ THỊ HƯƠNG          | 25/05/1996 | Dinh dưỡng           | 203       |             |
| 11 | 02200014 | TRẦN THỊ YẾN NGỌC     | 30/09/1995 | Dinh dưỡng           | 203       |             |
| 12 | 02200187 | NGUYỄN THỊ THU TRANG  | 08/09/1998 | Dinh dưỡng           | 203       |             |
| 13 | 02200021 | TRỊNH THỊ HẰNG        | 11/01/1987 | Gây mê hồi sức       | 203       |             |
| 14 | 02200188 | NGUYỄN VĂN HẢO        | 09/06/1985 | Gây mê hồi sức       | 203       |             |
| 15 | 02200003 | TRẦN VĂN KHOA         | 11/08/1992 | Hồi sức cấp cứu      | 203       |             |
| 16 | 02200522 | ĐỖ KHÁNH TOÀN         | 20/03/1992 | Hồi sức cấp cứu      | 203       |             |
| 17 | 02200282 | NGUYỄN ĐỨC TOÀN       | 16/11/1989 | Hồi sức cấp cứu      | 203       |             |
| 18 | 02200750 | ĐINH ĐỨC TÙNG         | 18/09/1990 | Hồi sức cấp cứu      | 203       |             |
| 19 | 02200141 | NGUYỄN XUÂN ĐẠT       | 08/03/1994 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 20 | 02200482 | ĐẶNG MAI HƯỜNG        | 08/08/1993 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 21 | 02200417 | LƯƠNG TÚ HUY          | 01/11/1994 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 22 | 02200636 | NGUYỄN THỊ MỸ LỆ      | 21/11/1992 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 23 | 02200418 | NGUYỄN THỊ KIỀU OANH  | 29/05/1996 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 24 | 02200486 | ĐỖ VĂN SƠN            | 12/09/1993 | Kỹ thuật y học       | 203       |             |
| 25 | 02200270 | HOÀNG LÊ MINH         | 27/07/1987 | Lão khoa             | 203       |             |
| 26 | 02200111 | NGUYỄN MINH ĐỨC       | 04/12/1990 | Ngoại khoa           | 203       |             |
| 27 | 02200711 | TRỊNH ĐỨC HOÀNG       | 16/12/1991 | Ngoại khoa           | 203       |             |
| 28 | 02200570 | TRƯƠNG QUANG HUY      | 31/01/1992 | Ngoại khoa           | 203       |             |
| 29 | 02200786 | PHẠM VĂN TẤN          | 14/05/1991 | Ngoại khoa           | 203       |             |
| 30 | 02200176 | NGUYỄN NGỌC TRÂM      | 19/07/1989 | Nhân khoa            | 203       |             |
| 31 | 02200184 | NGUYỄN THỊ GẮM        | 02/08/1986 | Nội khoa             | 203       |             |
| 32 | 02200073 | NGUYỄN THỊ LINH       | 11/03/1988 | Nội khoa             | 203       |             |
| 33 | 02200590 | ĐỖ ĐẮC LONG           | 30/05/1991 | Nội khoa             | 203       |             |
| 34 | 02200440 | LƯU NGỌC MAI          | 26/07/1992 | Nội khoa             | 203       |             |
| 35 | 02200529 | ĐINH CÔNG TRƯỜNG      | 08/11/1988 | Nội khoa             | 203       |             |
| 36 | 02200453 | NGUYỄN NGỌC VINH YÊN  | 02/08/1992 | Nội khoa             | 203       |             |
| 37 | 02200254 | VŨ THỊ THẢO HIỀN      | 15/01/1989 | Nội Tim mạch         | 203       |             |
| 38 | 02200491 | NGUYỄN THỊ HUYỀN      | 28/03/1991 | Nội Tim mạch         | 203       |             |
| 39 | 02200557 | PHẠM THANH NHAN       | 08/04/1991 | Nội Tim mạch         | 203       |             |
| 40 | 02200059 | TRẦN DOÃN LÂM         | 04/02/1990 | Phẫu thuật tạo hình  | 203       |             |
| 41 | 02200410 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN   | 01/02/1987 | Răng - Hàm - Mặt     | 203       |             |
| 42 | 02200087 | NGUYỄN THÙY LINH      | 25/01/1989 | Răng - Hàm - Mặt     | 203       |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi      | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-------------------------|------------|--------------------------|-----------|-------------|
| 43 | 02200202 | KIỀU DUY ANH            | 26/07/1992 | Sản phụ khoa             | 203       |             |
| 44 | 02200179 | TRẦN THỊ THU HẰNG       | 07/05/1992 | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | 203       |             |
| 45 | 02200055 | ĐÀO NGỌC CHẮT           | 14/05/1989 | Tai - Mũi - Họng         | 203       |             |
| 46 | 02200366 | HOÀNG THỊ HẠNH          | 23/07/1992 | Tai - Mũi - Họng         | 203       |             |
| 47 | 02200454 | NGUYỄN THÀNH LUÂN       | 29/10/1991 | Tai - Mũi - Họng         | 203       |             |
| 48 | 02200399 | VŨ THUẬN THANH TRÀ      | 16/10/1992 | Tai - Mũi - Họng         | 203       |             |
| 49 | 02200708 | PHẠM THÀNH LUÂN         | 09/08/1990 | Tâm thần                 | 203       |             |
| 50 | 02200875 | NGUYỄN VĂN PHI          | 06/07/1987 | Tâm thần                 | 203       |             |
| 51 | 02200879 | BÙI VĂN SAN             | 25/02/1985 | Tâm thần                 | 203       |             |
| 52 | 02200788 | NGUYỄN THỊ HẠNH         | 18/10/1993 | Ung thư                  | 203       |             |
| 53 | 02200639 | PHẠM VĂN HOÀN           | 05/10/1988 | Ung thư                  | 203       |             |
| 54 | 02200867 | LŨU QUANG HỘI           | 09/07/1989 | Ung thư                  | 203       |             |
| 55 | 02200054 | TRƯƠNG XUÂN TIẾN        | 19/03/1990 | Ung thư                  | 203       |             |
| 56 | 02200823 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO    | 16/05/1991 | Y học dự phòng           | 203       |             |
| 57 | 02200502 | ĐOÀN THỊ ANH VÂN        | 12/06/1990 | Y học dự phòng           | 203       |             |
| 58 | 02200181 | NGUYỄN HOÀNG THẢO GIANG | 08/12/1995 | Y sinh học di truyền     | 203       |             |
| 59 | 02200855 | NGUYỄN PHƯƠNG MAI       | 11/09/1996 | Y sinh học di truyền     | 203       |             |
| 60 | 02200287 | TRẦN THỊ THỦY           | 21/12/1995 | Y sinh học di truyền     | 203       |             |

Tổng số: 60

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29 

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200599 | TRẦN CÔNG BÁCH         | 13/04/1993 | Chẩn đoán hình ảnh   | 204A      |             |
| 2  | 02200825 | LÊ ĐỨC NAM             | 09/11/1989 | Chẩn đoán hình ảnh   | 204A      |             |
| 3  | 02200256 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC   | 23/08/1988 | Chẩn đoán hình ảnh   | 204A      |             |
| 4  | 02200622 | ĐỖ PHƯƠNG THẢO         | 06/12/1989 | Chẩn đoán hình ảnh   | 204A      |             |
| 5  | 02200057 | TRẦN XUÂN NGỌC         | 14/05/1991 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 204A      |             |
| 6  | 02200343 | PHAN THỊ ĐỊNH          | 06/07/1986 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 7  | 02200752 | NGUYỄN THỊ DUNG        | 01/01/1990 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 8  | 02200025 | NGUYỄN THỊ LOAN        | 20/06/1995 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 9  | 02200008 | HÀ THANH MINH          | 27/10/1998 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 10 | 02200086 | PHAN THỊ THANH TÂM     | 17/01/1991 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 11 | 02200387 | TRẦN MINH THÚY         | 13/04/1996 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 12 | 02200408 | MAI THỊ THANH THỦY     | 26/01/1986 | Dinh dưỡng           | 204A      |             |
| 13 | 02200405 | HỒ HỮU HƯNG            | 26/09/1990 | Gây mê hồi sức       | 204A      |             |
| 14 | 02200614 | NGÔ THỊ HẠNH LINH      | 14/11/1993 | Gây mê hồi sức       | 204A      |             |
| 15 | 02200775 | NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN   | 02/10/1993 | Gây mê hồi sức       | 204A      |             |
| 16 | 02200466 | NGUYỄN NGỌC TRÂM       | 04/02/1992 | Gây mê hồi sức       | 204A      |             |
| 17 | 02200826 | NGUYỄN THÙY LINH       | 20/05/1994 | Giải phẫu bệnh       | 204A      |             |
| 18 | 02200390 | NGUYỄN THỊ LAN CHI     | 16/11/1994 | Hồi sức cấp cứu      | 204A      |             |
| 19 | 02200090 | NGUYỄN HOÀNG NAM       | 21/09/1993 | Hồi sức cấp cứu      | 204A      |             |
| 20 | 02200104 | TRẦN TIỀN              | 17/07/1991 | Hồi sức cấp cứu      | 204A      |             |
| 21 | 02200118 | VƯƠNG THỊ THÙY DUNG    | 25/03/1992 | Kỹ thuật y học       | 204A      |             |
| 22 | 02200041 | NGUYỄN LÊ DIỆU HIỀN    | 12/02/1994 | Kỹ thuật y học       | 204A      |             |
| 23 | 02200231 | BÙI THỊ BÍCH NGỌC      | 16/12/1991 | Kỹ thuật y học       | 204A      |             |
| 24 | 02200182 | ĐINH THỊ OANH          | 15/11/1994 | Kỹ thuật y học       | 204A      |             |
| 25 | 02200260 | NGUYỄN VĂN TUỆ         | 12/11/1983 | Kỹ thuật y học       | 204A      |             |
| 26 | 02200089 | HÀ DANH VƯƠNG          | 23/02/1993 | Nhân khoa            | 204A      |             |
| 27 | 02200221 | ĐỖ HƯƠNG GIANG         | 07/09/1989 | Nội khoa             | 204A      |             |
| 28 | 02200229 | LÊ THỊ NÉT             | 21/08/1990 | Nội khoa             | 204A      |             |
| 29 | 02200618 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | 06/12/1991 | Nội khoa             | 204A      |             |
| 30 | 02200801 | NGÔ BÁ ANH             | 01/02/1993 | Phẫu thuật tạo hình  | 204A      |             |
| 31 | 02200689 | NGUYỄN THỊ NHUNG       | 12/09/1993 | Phục hồi chức năng   | 204A      |             |
| 32 | 02200714 | PHÙNG NGỌC ANH         | 11/03/1990 | Sản phụ khoa         | 204A      |             |
| 33 | 02200628 | NGUYỄN TRẦN CHUNG      | 31/05/1982 | Sản phụ khoa         | 204A      |             |
| 34 | 02200600 | TRẦN QUANG HUY         | 11/05/1984 | Sản phụ khoa         | 204A      |             |
| 35 | 02200732 | HOÀNG THỊ HUYỀN        | 12/09/1991 | Sản phụ khoa         | 204A      |             |
| 36 | 02200747 | LÊ QUỐC TRUNG          | 18/06/1986 | Sản phụ khoa         | 204A      |             |
| 37 | 02200844 | ĐOÀN THỊ HUỆ           | 01/03/1982 | Tâm thần             | 204A      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|---------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 38 | 02200571 | HOÀNG VĂN CHẢI      | 29/08/1990 | Ung thư             | 204A      |             |
| 39 | 02200700 | NGUYỄN KHẮC THƯỜNG  | 12/03/1990 | Ung thư             | 204A      |             |
| 40 | 02200527 | VŨ THỊ NGUYỆT       | 25/02/1991 | Y học cổ truyền     | 204A      |             |
| 41 | 02200499 | NGUYỄN THỊ HẰNG NGA | 13/07/1988 | Y học dự phòng      | 204A      |             |
| 42 | 02200058 | LÊ THỊ THƯ          | 24/09/1992 | Y học dự phòng      | 204A      |             |

Tổng số: 42

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200463 | VŨ VĂN LƯƠNG          | 19/01/1990 | Chẩn đoán hình ảnh     | 204B      |             |
| 2  | 02200228 | NGUYỄN THỊ MINH       | 04/11/1991 | Chẩn đoán hình ảnh     | 204B      |             |
| 3  | 02200298 | TRẦN QUANG THẢO       | 20/10/1987 | Chẩn đoán hình ảnh     | 204B      |             |
| 4  | 02200709 | PHÙNG VĂN TOÀN        | 09/12/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 204B      |             |
| 5  | 02200640 | ĐỖ THỊ THUỶ VÂN       | 30/05/1987 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 204B      |             |
| 6  | 02200543 | LÊ THỊ HIỀN           | 06/06/1984 | Dinh dưỡng             | 204B      |             |
| 7  | 02200887 | TRẦN THỊ LAN HƯƠNG    | 27/08/1980 | Dinh dưỡng             | 204B      |             |
| 8  | 02200305 | DƯƠNG DUY KHÁNH       | 24/02/1985 | Dinh dưỡng             | 204B      |             |
| 9  | 02200420 | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG | 24/11/1982 | Dinh dưỡng             | 204B      |             |
| 10 | 02200650 | HÀ THỊ YẾN            | 20/10/1992 | Dược lý và độc chất    | 204B      |             |
| 11 | 02200131 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG     | 28/06/1993 | Gây mê hồi sức         | 204B      |             |
| 12 | 02200005 | TRẦN ĐỨC MINH         | 13/12/1991 | Gây mê hồi sức         | 204B      |             |
| 13 | 02200414 | NGUYỄN ĐĂNG QUÂN      | 21/09/1991 | Hồi sức cấp cứu        | 204B      |             |
| 14 | 02200646 | VŨ CÔNG QUÂN          | 11/11/1989 | Hồi sức cấp cứu        | 204B      |             |
| 15 | 02200214 | ĐỖ THỊ KIM YẾN        | 15/02/1990 | Hồi sức cấp cứu        | 204B      |             |
| 16 | 02200163 | NGUYỄN TRUNG KIÊN     | 14/11/1989 | Huyết học - Truyền máu | 204B      |             |
| 17 | 02200733 | NGUYỄN TRUNG NGHĨA    | 27/06/1991 | Huyết học - Truyền máu | 204B      |             |
| 18 | 02200648 | ĐINH VĂN TIẾN         | 01/01/1991 | Huyết học - Truyền máu | 204B      |             |
| 19 | 02200630 | NGUYỄN THỊ HUỆ        | 23/11/1993 | Kỹ thuật y học         | 204B      |             |
| 20 | 02200351 | LÊ TUẤN ANH           | 02/07/1993 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 21 | 02200720 | PHẠM NGỌC ĐÌNH        | 06/12/1993 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 22 | 02200731 | NGUYỄN TRUNG DŨNG     | 30/05/1991 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 23 | 02200121 | CAO MINH PHÚC         | 10/10/1988 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 24 | 02200280 | NGUYỄN VĂN TRƯỜNG     | 03/12/1990 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 25 | 02200286 | DƯƠNG SƠN TÙNG        | 20/02/1991 | Ngoại khoa             | 204B      |             |
| 26 | 02200455 | TRẦN THỊ NGỌC DIỆP    | 10/03/1990 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 27 | 02200791 | PHẠM VĂN HOÀN         | 16/05/1991 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 28 | 02200525 | PHẠM ĐỨC HÙNG         | 13/03/1991 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 29 | 02200641 | BÙI VĂN LONG          | 18/03/1992 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 30 | 02200742 | TRẦN THỊ THÚY MÙI     | 24/07/1991 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 31 | 02200550 | TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG  | 01/11/1992 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 32 | 02200052 | PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH | 22/12/1991 | Nội khoa               | 204B      |             |
| 33 | 02200461 | LÊ THỊ MAI            | 15/04/1993 | Phục hồi chức năng     | 204B      |             |
| 34 | 02200774 | HỒNG KHÁNH SƠN        | 02/01/1994 | Phục hồi chức năng     | 204B      |             |
| 35 | 02200637 | NGUYỄN BÁ KIÊN        | 14/12/1987 | Răng - Hàm - Mặt       | 204B      |             |
| 36 | 02200843 | ĐINH THỊ THÁI         | 13/05/1986 | Răng - Hàm - Mặt       | 204B      |             |
| 37 | 02200276 | BÙI THỊ VIỆT NGÀ      | 26/08/1990 | Sản phụ khoa           | 204B      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|---------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 38 | 02200153 | CÙ TUẤN ANH         | 12/10/1994 | Tai - Mũi- Họng     | 204B      |             |
| 39 | 02200201 | PHẠM VĂN HUY        | 05/11/1993 | Tai - Mũi- Họng     | 204B      |             |
| 40 | 02200551 | BÙI THỊ THỦY        | 29/01/1993 | Vì sinh y học       | 204B      |             |
| 41 | 02200238 | LÊ THỊ HOÀNG ANH    | 13/11/1995 | Y học dự phòng      | 204B      |             |
| 42 | 02200241 | NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN | 01/12/1994 | Y học dự phòng      | 204B      |             |
| 43 | 02200403 | ĐỖ XUÂN TÙNG        | 28/10/1990 | Y học dự phòng      | 204B      |             |

Tổng số: 43

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200116 | NGUYỄN TRÍ KHÁNH LINH  | 27/08/1994 | Da liễu                | 301A      |             |
| 2  | 02200740 | NGUYỄN THỊ KIM OANH    | 26/04/1996 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 301A      |             |
| 3  | 02200262 | DƯƠNG THỊ PHƯỢNG       | 17/06/1991 | Dinh dưỡng             | 301A      |             |
| 4  | 02200729 | VŨ THUYẾT NGÀ          | 04/02/1986 | Gây mê hồi sức         | 301A      |             |
| 5  | 02200456 | HOÀNG THỊ NGÂN         | 22/01/1993 | Gây mê hồi sức         | 301A      |             |
| 6  | 02200048 | NGUYỄN HẢI YẾN         | 16/10/1992 | Gây mê hồi sức         | 301A      |             |
| 7  | 02200071 | NGUYỄN THẾ VIỆT        | 05/02/1995 | Giải phẫu bệnh         | 301A      |             |
| 8  | 02200198 | LẠI THỊ DUNG           | 06/03/1990 | Huyết học - Truyền máu | 301A      |             |
| 9  | 02200308 | NGUYỄN TRỊNH THẾ DUYỆT | 17/11/1995 | Kỹ thuật y học         | 301A      |             |
| 10 | 02200283 | LÊ THỊ HUYỀN TRANG     | 05/12/1988 | Kỹ thuật y học         | 301A      |             |
| 11 | 02200364 | NGUYỄN ĐỨC ĐÔNG        | 02/02/1993 | Ngoại khoa             | 301A      |             |
| 12 | 02200234 | NGUYỄN MẠNH HÙNG       | 12/11/1992 | Ngoại khoa             | 301A      |             |
| 13 | 02200348 | BÙI MINH TỬ            | 21/12/1992 | Ngoại khoa             | 301A      |             |
| 14 | 02200248 | LÊ QUANG HUY           | 27/11/1991 | Nhãn khoa              | 301A      |             |
| 15 | 02200865 | TRỊNH VĂN DƯƠNG        | 10/05/1991 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 16 | 02200468 | NGUYỄN QUANG HẢI       | 28/08/1989 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 17 | 02200053 | NGUYỄN ĐỨC HUY         | 28/02/1990 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 18 | 02200207 | PHẠM GIA LẬP           | 01/10/1987 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 19 | 02200886 | ĐOÀN THỊ LEN           | 03/07/1986 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 20 | 02200758 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT | 20/05/1989 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 21 | 02200446 | ĐỖ THỊ TRANG           | 01/03/1990 | Nội khoa               | 301A      |             |
| 22 | 02200604 | LÊ ĐỨC THÀNH           | 15/04/1982 | Răng - Hàm - Mặt       | 301A      |             |
| 23 | 02200046 | PHẠM VĂN HÙNG          | 13/03/1988 | Sản phụ khoa           | 301A      |             |
| 24 | 02200212 | NGUYỄN HỮU TRUNG       | 20/11/1991 | Tai - Mũi - Họng       | 301A      |             |
| 25 | 02200304 | VŨ THANH HUYỀN         | 21/11/1993 | Ung thư                | 301A      |             |
| 26 | 02200588 | NGUYỄN THỊ LỰU         | 04/06/1985 | Ung thư                | 301A      |             |
| 27 | 02200632 | TRẦN NGỌC NGHĨA        | 04/12/1991 | Y học cổ truyền        | 301A      |             |
| 28 | 02200081 | VŨ VĂN TIẾN            | 22/01/1994 | Y học cổ truyền        | 301A      |             |
| 29 | 02200654 | CHU THỊ BÍCH NGỌC      | 17/06/1991 | Y học dự phòng         | 301A      |             |

Tổng số: 29

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|----------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200271 | VŨ THUYẾT HẰNG       | 28/05/1986 | Chẩn đoán hình ảnh     | 301B      |             |
| 2  | 02200193 | TRẦN VĂN TUẤN        | 17/08/1993 | Chẩn đoán hình ảnh     | 301B      |             |
| 3  | 02200373 | ĐỖ THỊ KIM LIÊN      | 20/11/1992 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 301B      |             |
| 4  | 02200028 | VŨ THỊ BẢO NGÂN      | 07/01/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 301B      |             |
| 5  | 02200857 | NGÔ THỊ MINH NGỌC    | 16/07/1985 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 301B      |             |
| 6  | 02200859 | NGUYỄN THỊ NHƯ       | 31/10/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 301B      |             |
| 7  | 02200465 | PHẠM ANH TUẤN        | 14/05/1993 | Gây mê hồi sức         | 301B      |             |
| 8  | 02200137 | NGUYỄN THỊ TÂM       | 21/05/1989 | Giải phẫu bệnh         | 301B      |             |
| 9  | 02200291 | ĐỖ VĂN BÌNH          | 28/12/1983 | Hồi sức cấp cứu        | 301B      |             |
| 10 | 02200434 | PHẠM QUỐC VIỆT       | 30/11/1992 | Hồi sức cấp cứu        | 301B      |             |
| 11 | 02200613 | PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH | 30/12/1990 | Huyết học - Truyền máu | 301B      |             |
| 12 | 02200537 | PHAN KHÁNH HÒA       | 08/07/1987 | Mô phôi thai học       | 301B      |             |
| 13 | 02200380 | PHẠM BẢO AN          | 13/04/1993 | Ngoại khoa             | 301B      |             |
| 14 | 02200457 | NGUYỄN VĂN LONG      | 21/11/1990 | Ngoại khoa             | 301B      |             |
| 15 | 02200760 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG     | 16/07/1992 | Nhãn khoa              | 301B      |             |
| 16 | 02200704 | NGUYỄN VĂN GIANG     | 27/05/1989 | Nội khoa               | 301B      |             |
| 17 | 02200328 | NGUYỄN THỊ HẰNG      | 08/11/1990 | Nội khoa               | 301B      |             |
| 18 | 02200716 | HOÀNG THỊ THANH NGÀ  | 01/10/1992 | Nội khoa               | 301B      |             |
| 19 | 02200589 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ | 31/12/1989 | Nội khoa               | 301B      |             |
| 20 | 02200814 | KHIẾU THỊ HỒNG NHUNG | 01/07/1993 | Nội khoa               | 301B      |             |
| 21 | 02200311 | NGUYỄN KHẮC NGHIÊM   | 17/12/1991 | Nội Tim mạch           | 301B      |             |
| 22 | 02200289 | PHẠM VĂN NGHĨA       | 17/08/1992 | Phẫu thuật tạo hình    | 301B      |             |
| 23 | 02200023 | NGUYỄN XUÂN SANG     | 16/02/1990 | Sản phụ khoa           | 301B      |             |
| 24 | 02200610 | MAI THỊ MAI PHƯƠNG   | 19/08/1993 | Tai - Mũi - Họng       | 301B      |             |
| 25 | 02200122 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 19/03/1990 | Ung thư                | 301B      |             |
| 26 | 02200644 | NGUYỄN THỊ THÁI      | 09/11/1991 | Y học cổ truyền        | 301B      |             |
| 27 | 02200010 | NGUYỄN VĂN DŨNG      | 27/11/1988 | Y học dự phòng         | 301B      |             |
| 28 | 02200694 | ĐOÀN THỊ HUỆ         | 13/01/1988 | Y học dự phòng         | 301B      |             |

Tổng số: 28

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200580 | NGUYỄN QUỐC ĐẠT       | 25/04/1986 | Chẩn đoán hình ảnh   | 302A      |             |
| 2  | 02200612 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH    | 01/11/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 302A      |             |
| 3  | 02200554 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | 31/10/1978 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 302A      |             |
| 4  | 02200837 | NGUYỄN THỊ QUYÊN      | 08/04/1996 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 302A      |             |
| 5  | 02200481 | ĐỖ THỊ ÁNH TUYẾT      | 10/03/1989 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 302A      |             |
| 6  | 02200850 | ĐÀO QUANG VINH        | 18/11/1985 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 302A      |             |
| 7  | 02200624 | NGUYỄN THỊ HOA        | 25/10/1983 | Dinh dưỡng           | 302A      |             |
| 8  | 02200721 | NGUYỄN THỊ THU LIỄU   | 15/08/1988 | Dinh dưỡng           | 302A      |             |
| 9  | 02200535 | LÊ THỊ THU THẢO       | 23/08/1993 | Dược lý và độc chất  | 302A      |             |
| 10 | 02200771 | TRẦN HOÀI NAM         | 08/09/1990 | Gây mê hồi sức       | 302A      |             |
| 11 | 02200796 | PHẠM THỊ KIM PHƯỢNG   | 07/07/1990 | Gây mê hồi sức       | 302A      |             |
| 12 | 02200668 | NGUYỄN THỊ THUỖ LINH  | 27/01/1992 | Hóa sinh Y học       | 302A      |             |
| 13 | 02200607 | HỒ QUỐC CƯỜNG         | 30/05/1985 | Hồi sức cấp cứu      | 302A      |             |
| 14 | 02200379 | TRẦN VŨ HUẤN          | 01/03/1993 | Hồi sức cấp cứu      | 302A      |             |
| 15 | 02200768 | VŨ THUỖY HÀ           | 31/08/1995 | Mô phôi thai học     | 302A      |             |
| 16 | 02200635 | NGÔ VĂN NAM           | 19/05/1992 | Ngoại khoa           | 302A      |             |
| 17 | 02200521 | NGUYỄN PHÚ TRANG HƯNG | 11/10/1993 | Nhân khoa            | 302A      |             |
| 18 | 02200749 | ĐINH THỊ HUỆ          | 10/09/1990 | Nội khoa             | 302A      |             |
| 19 | 02200196 | NGUYỄN THU TRANG      | 15/05/1993 | Nội khoa             | 302A      |             |
| 20 | 02200178 | NGUYỄN MẠNH TUẤN      | 22/10/1990 | Nội khoa             | 302A      |             |
| 21 | 02200686 | TRẦN THANH HUYỀN      | 01/04/1989 | Nội Tim mạch         | 302A      |             |
| 22 | 02200247 | HÀ THỊ HƯƠNG GIANG    | 21/04/1991 | Phục hồi chức năng   | 302A      |             |
| 23 | 02200519 | TRỊNH THU HIỀN        | 29/09/1989 | Phục hồi chức năng   | 302A      |             |
| 24 | 02200148 | TRẦN THỊ THANH MAI    | 18/12/1990 | Răng - Hàm - Mặt     | 302A      |             |
| 25 | 02200151 | VŨ THỊ BÍCH NGUYỆT    | 22/05/1985 | Răng - Hàm - Mặt     | 302A      |             |
| 26 | 02200451 | NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH   | 30/10/1992 | Răng - Hàm - Mặt     | 302A      |             |
| 27 | 02200633 | TRẦN THU HÀ           | 08/12/1993 | Sản phụ khoa         | 302A      |             |
| 28 | 02200115 | VŨ HỒNG THẮNG         | 16/06/1985 | Sản phụ khoa         | 302A      |             |
| 29 | 02200772 | TRỊNH THU HÀ          | 25/08/1992 | Ung thư              | 302A      |             |
| 30 | 02200294 | TRẦN THỊ HOÀI         | 06/08/1990 | Ung thư              | 302A      |             |
| 31 | 02200679 | NGUYỄN THỊ NGÀ        | 12/10/1988 | Ung thư              | 302A      |             |
| 32 | 02200220 | NGUYỄN HỒNG THÁI      | 23/10/1993 | Y học cổ truyền      | 302A      |             |
| 33 | 02200883 | NGÔ TRÍ TUẤN          | 04/10/1984 | Y học dự phòng       | 302A      |             |
| 34 | 02200824 | LƯƠNG ĐÌNH BÌNH       | 24/12/1987 | Y học hạt nhân       | 302A      |             |

Tổng số: 34

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200325 | VŨ TRUNG NGHĨA        | 03/12/1994 | Dinh dưỡng          | 302B      |             |
| 2  | 02200510 | NGUYỄN MINH NGỌC      | 12/04/1988 | Gây mê hồi sức      | 302B      |             |
| 3  | 02200541 | ĐOÀN QUANG TUỆ        | 25/12/1990 | Gây mê hồi sức      | 302B      |             |
| 4  | 02200323 | TRẦN THANH LÊ         | 07/12/1988 | Hồi sức cấp cứu     | 302B      |             |
| 5  | 02200358 | PHẠM THỊ NGOAN        | 21/01/1991 | Hồi sức cấp cứu     | 302B      |             |
| 6  | 02200062 | LÊ VĂN LỢI            | 16/10/1984 | Kỹ thuật y học      | 302B      |             |
| 7  | 02200587 | LƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG    | 30/09/1998 | Kỹ thuật y học      | 302B      |             |
| 8  | 02200459 | NGUYỄN THỊ THANH TÂM  | 07/10/1985 | Kỹ thuật y học      | 302B      |             |
| 9  | 02200536 | NGUYỄN VĂN KHUỐC      | 06/08/1991 | Ngoại khoa          | 302B      |             |
| 10 | 02200392 | NGUYỄN TRUNG KIÊN     | 08/07/1993 | Ngoại khoa          | 302B      |             |
| 11 | 02200574 | PHẠM HẢI NAM          | 03/11/1990 | Ngoại khoa          | 302B      |             |
| 12 | 02200349 | LƯƠNG THANH TÚ        | 19/09/1993 | Ngoại khoa          | 302B      |             |
| 13 | 02200361 | TRẦN NGỌC ANH         | 01/01/1991 | Nội khoa            | 302B      |             |
| 14 | 02200488 | TRẦN QUANG HƯNG       | 24/01/1990 | Nội khoa            | 302B      |             |
| 15 | 02200671 | ĐỖ THỊ HỒNG KHANH     | 07/09/1988 | Nội khoa            | 302B      |             |
| 16 | 02200769 | NGUYỄN THỊ THÙY LINH  | 06/02/1992 | Nội khoa            | 302B      |             |
| 17 | 02200047 | TẠ MINH NGỌC          | 14/07/1990 | Nội khoa            | 302B      |             |
| 18 | 02200558 | LÊ VĂN TRƯỜNG         | 02/01/1990 | Nội Tim mạch        | 302B      |             |
| 19 | 02200598 | NGUYỄN TUẤN VIỆT      | 30/12/1992 | Nội Tim mạch        | 302B      |             |
| 20 | 02200407 | NGUYỄN MINH HIỀN      | 16/03/1987 | Phẫu thuật tạo hình | 302B      |             |
| 21 | 02200145 | TRẦN PHƯƠNG ANH       | 19/12/1995 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 22 | 02200568 | NGUYỄN THỊ THÚY ANH   | 31/12/1993 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 23 | 02200804 | LÊ MINH ĐẠT           | 11/10/1996 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 24 | 02200259 | TRẦN THỊ DIỆP         | 03/03/1988 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 25 | 02200475 | LƯƠNG YẾN LINH        | 25/12/1991 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 26 | 02200514 | NGUYỄN NGỌC LINH      | 05/01/1981 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 27 | 02200532 | NGUYỄN BÁ LONG        | 22/08/1987 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 28 | 02200516 | NINH THỊ LY           | 03/04/1989 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 29 | 02200712 | HOÀNG THỊ DIỄM MY     | 22/06/1993 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 30 | 02200385 | LƯƠNG QUỲNH NHƯ       | 24/12/1995 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 31 | 02200795 | NGUYỄN MINH NÔNG      | 26/02/1985 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 32 | 02200755 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO | 03/03/1991 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 33 | 02200882 | NGUYỄN THỊ THU TRANG  | 12/10/1996 | Quản lý bệnh viện   | 302B      |             |
| 34 | 02200009 | VŨ THANH BÌNH         | 19/12/1992 | Sản phụ khoa        | 302B      |             |
| 35 | 02200001 | LÂM QUANG TÙNG        | 12/10/1993 | Sản phụ khoa        | 302B      |             |
| 36 | 02200037 | ĐÀO QUỐC KHÁNH        | 27/08/1994 | Tai - Mũi - Họng    | 302B      |             |
| 37 | 02200412 | ĐẶNG XUÂN VINH        | 19/02/1989 | Tai - Mũi - Họng    | 302B      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|----------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 38 | 02200845 | TRẦN THỊ THU HÀ      | 15/01/1988 | Tâm thần            | 302B      |             |
| 39 | 02200674 | NGUYỄN QUANG HUY     | 13/03/1993 | Truyền nhiễm        | 302B      |             |
| 40 | 02200070 | PHẠM ĐẮC ĐÔNG        | 21/12/1991 | Ung thư             | 302B      |             |
| 41 | 02200676 | NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG   | 08/11/1991 | Ung thư             | 302B      |             |
| 42 | 02200763 | ĐỖ ANH TÚ            | 02/01/1992 | Ung thư             | 302B      |             |
| 43 | 02200789 | HOÀNG THỊ KIM ANH    | 26/03/1983 | Vi sinh y học       | 302B      |             |
| 44 | 02200766 | NGUYỄN THANH BÌNH    | 18/06/1986 | Y học cổ truyền     | 302B      |             |
| 45 | 02200227 | PHẠM THỊ HUỆ         | 11/04/1993 | Y học cổ truyền     | 302B      |             |
| 46 | 02200290 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | 29/04/1992 | Y học cổ truyền     | 302B      |             |
| 47 | 02200353 | LÊ THỊ YẾN           | 10/06/1995 | Y học dự phòng      | 302B      |             |
| 48 | 02200423 | BÙI THỊ NGỌC ANH     | 25/06/1987 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 49 | 02200050 | LÊ THỊ NGỌC ANH      | 19/06/1995 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 50 | 02200661 | NGUYỄN HẢI CHUNG     | 26/01/1986 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 51 | 02200672 | ĐÀO HUY CÙ           | 11/09/1995 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 52 | 02200161 | NGUYỄN THỊ HẢI HÀ    | 10/03/1989 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 53 | 02200730 | TRƯƠNG VĂN HẢI       | 15/01/1985 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 54 | 02200854 | ĐẶNG THỊ HẢI         | 18/08/1996 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 55 | 02200501 | VŨ THỊ MỸ HẠNH       | 05/05/1994 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 56 | 02200563 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | 31/10/1990 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 57 | 02200601 | NGUYỄN THỊ HOÀI      | 10/10/1988 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 58 | 02200808 | PHẠM THỊ MAI HƯƠNG   | 20/10/1994 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 59 | 02200739 | LÊ THANH HUYỀN       | 26/03/1990 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 60 | 02200666 | NGUYỄN THỊ KIM LINH  | 02/02/1986 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 61 | 02200504 | NGUYỄN THÀNH LỢI     | 13/01/1990 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 62 | 02200194 | VŨ THỊ LÝ            | 30/06/1990 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 63 | 02200581 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG MAI | 26/06/1987 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 64 | 02200685 | ĐINH DIỄM MY         | 10/12/1996 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 65 | 02200255 | PHẠM THỊ NGÀ         | 14/06/1993 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 66 | 02200815 | ĐỖ THỊ THANH         | 19/02/1985 | Y tế công cộng      | 302B      |             |
| 67 | 02200670 | PHẠM VĂN TRƯỜNG      | 22/06/1992 | Y tế công cộng      | 302B      |             |

Tổng số: 67

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-------------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200381 | NGUYỄN ĐỨC KHÔI         | 28/08/1991 | Chẩn đoán hình ảnh   | 303A      |             |
| 2  | 02200339 | TRẦN THỊ QUỲNH ANH      | 10/10/1994 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 303A      |             |
| 3  | 02200316 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG     | 06/08/1982 | Dinh dưỡng           | 303A      |             |
| 4  | 02200288 | LÊ THỊ HẠNH             | 14/09/1995 | Dinh dưỡng           | 303A      |             |
| 5  | 02200784 | VŨ THỊ NGỌC LAN         | 11/01/1994 | Hóa sinh Y học       | 303A      |             |
| 6  | 02200018 | NGUYỄN THỊ XUÂN         | 12/02/1993 | Hóa sinh Y học       | 303A      |             |
| 7  | 02200359 | NGUYỄN VĂN ÁNH          | 18/08/1993 | Hồi sức cấp cứu      | 303A      |             |
| 8  | 02200511 | ĐỖ ĐÌNH ĐIỀU            | 29/04/1986 | Hồi sức cấp cứu      | 303A      |             |
| 9  | 02200425 | NGUYỄN THẢO TRANG       | 02/10/1993 | Hồi sức cấp cứu      | 303A      |             |
| 10 | 02200261 | LÊ THỊ ANH              | 10/08/1986 | Kỹ thuật y học       | 303A      |             |
| 11 | 02200800 | NGUYỄN THỊ TRINH        | 22/05/1996 | Kỹ thuật y học       | 303A      |             |
| 12 | 02200443 | NGUYỄN VĂN LỘC          | 25/12/1990 | Ngoại khoa           | 303A      |             |
| 13 | 02200437 | ĐẶNG VĂN QUANG          | 11/03/1993 | Ngoại khoa           | 303A      |             |
| 14 | 02200565 | NÔNG VĂN THỊNH          | 10/05/1992 | Ngoại khoa           | 303A      |             |
| 15 | 02200553 | GIANG LAN ANH           | 21/09/1990 | Nhãn khoa            | 303A      |             |
| 16 | 02200611 | PHẠM TIẾN ĐẠT           | 05/10/1991 | Nội khoa             | 303A      |             |
| 17 | 02200785 | NGUYỄN DUY HƯNG         | 08/01/1992 | Nội khoa             | 303A      |             |
| 18 | 02200326 | HOÀNG THỊ DUYÊN         | 19/08/1994 | Răng - Hàm - Mặt     | 303A      |             |
| 19 | 02200219 | NGUYỄN HUYỀN TRANG      | 28/11/1992 | Răng - Hàm - Mặt     | 303A      |             |
| 20 | 02200264 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH    | 30/12/1990 | Sản phụ khoa         | 303A      |             |
| 21 | 02200782 | NGUYỄN KIM HUỆ          | 01/10/1992 | Sản phụ khoa         | 303A      |             |
| 22 | 02200871 | NGUYỄN PHƯƠNG DUNG      | 13/10/1991 | Tai - Mũi - Họng     | 303A      |             |
| 23 | 02200072 | PHÙNG NGỌC THƯƠNG       | 20/04/1992 | Tâm thần             | 303A      |             |
| 24 | 02200105 | LÊ DUY HOÀN             | 17/12/1992 | Thần kinh            | 303A      |             |
| 25 | 02200033 | LÊ THỊ THU HỒNG         | 27/02/1988 | Thần kinh            | 303A      |             |
| 26 | 02200075 | VÕ THẾ NHÂN             | 11/08/1991 | Thần kinh            | 303A      |             |
| 27 | 02200592 | DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH LINH | 11/11/1993 | Ung thư              | 303A      |             |
| 28 | 02200404 | VŨ VĂN THỊNH            | 20/07/1990 | Ung thư              | 303A      |             |
| 29 | 02200160 | NGÔ VĂN TÝ              | 08/08/1989 | Ung thư              | 303A      |             |
| 30 | 02200787 | NGUYỄN CHÍ VIỆT         | 30/09/1987 | Ung thư              | 303A      |             |
| 31 | 02200300 | HOÀNG THỊ MINH PHƯƠNG   | 15/12/1989 | Y học cổ truyền      | 303A      |             |
| 32 | 02200170 | NGUYỄN VIỆT ANH         | 08/10/1991 | Y học dự phòng       | 303A      |             |
| 33 | 02200591 | PHẠM ĐĂNG QUÂN          | 29/10/1983 | Y học dự phòng       | 303A      |             |
| 34 | 02200352 | ĐẬU THỊ BÍCH THẢO       | 15/08/1991 | Y học dự phòng       | 303A      |             |

Tổng số: 34

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29

| TT | SBD      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-------------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200452 | ĐẶNG THỊ HỒNG GIANG     | 06/07/1990 | Chẩn đoán hình ảnh   | 303B      |             |
| 2  | 02200061 | VŨ TRỌNG HUY            | 25/09/1993 | Chẩn đoán hình ảnh   | 303B      |             |
| 3  | 02200645 | ĐỖ THỊ KIM OANH         | 22/07/1989 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 303B      |             |
| 4  | 02200722 | PHẠM THỊ THƠM           | 18/09/1983 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 303B      |             |
| 5  | 02200431 | BÙI THU HÀ              | 18/10/1991 | Dinh dưỡng           | 303B      |             |
| 6  | 02200738 | ĐINH THỊ THU HẰNG       | 15/07/1975 | Dinh dưỡng           | 303B      |             |
| 7  | 02200172 | PHẠM TRẦN THIÊN NHÂN    | 09/10/1994 | Dinh dưỡng           | 303B      |             |
| 8  | 02200878 | PHẠM THỊ LANH           | 16/03/1992 | Gây mê hồi sức       | 303B      |             |
| 9  | 02200183 | PHAN THANH NGUYỄN       | 23/06/1992 | Hóa sinh Y học       | 303B      |             |
| 10 | 02200794 | NGUYỄN THỊ MƠ           | 22/02/1990 | Hồi sức cấp cứu      | 303B      |             |
| 11 | 02200485 | VŨ ĐĂNG THÀNH           | 02/11/1991 | Hồi sức cấp cứu      | 303B      |             |
| 12 | 02200741 | NGUYỄN THỊ THỦY         | 17/03/1991 | Hồi sức cấp cứu      | 303B      |             |
| 13 | 02200365 | NGUYỄN TẤN ĐÔNG         | 10/10/1987 | Kỹ thuật y học       | 303B      |             |
| 14 | 02200277 | NGUYỄN VĂN DUY          | 06/11/1996 | Kỹ thuật y học       | 303B      |             |
| 15 | 02200810 | VƯƠNG THỊ THỦY          | 22/08/1992 | Kỹ thuật y học       | 303B      |             |
| 16 | 02200275 | TRỊNH TUẤN KHANG        | 11/11/1992 | Ngoại khoa           | 303B      |             |
| 17 | 02200315 | ĐINH CÔNG THUỖ          | 02/09/1993 | Ngoại khoa           | 303B      |             |
| 18 | 02200469 | LÊ QUỐC GIA             | 01/05/1990 | Nội khoa             | 303B      |             |
| 19 | 02200478 | LÊ VĂN HỢP              | 17/12/1992 | Nội khoa             | 303B      |             |
| 20 | 02200793 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH | 05/03/1990 | Nội khoa             | 303B      |             |
| 21 | 02200369 | NGUYỄN MẠNH TƯỜNG       | 06/07/1991 | Nội khoa             | 303B      |             |
| 22 | 02200748 | BÙI NGUYỄN ĐỨC          | 17/04/1992 | Nội Tim mạch         | 303B      |             |
| 23 | 02200382 | QUÁCH THỊ MAI           | 10/05/1986 | Nội Tim mạch         | 303B      |             |
| 24 | 02200233 | NGUYỄN BÁ TUẤN          | 04/10/1987 | Nội Tim mạch         | 303B      |             |
| 25 | 02200146 | PHẠM VIỆT ANH           | 23/07/1993 | Răng - Hàm - Mặt     | 303B      |             |
| 26 | 02200734 | ĐẶNG TUẤN ANH           | 08/09/1990 | Sản phụ khoa         | 303B      |             |
| 27 | 02200333 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG        | 14/08/1991 | Sản phụ khoa         | 303B      |             |
| 28 | 02200252 | HỒ CÔNG DŨNG            | 13/04/1989 | Thần kinh            | 303B      |             |
| 29 | 02200114 | HUỲNH THỊ THẢO          | 07/05/1992 | Truyền nhiễm         | 303B      |             |
| 30 | 02200692 | NGUYỄN THỊ HOA HỒNG     | 28/04/1992 | Ung thư              | 303B      |             |
| 31 | 02200616 | TRẦN HOÀNG NAM          | 28/05/1992 | Ung thư              | 303B      |             |
| 32 | 02200082 | NGUYỄN VĂN TOÀN         | 30/06/1991 | Y học cổ truyền      | 303B      |             |

Tổng số: 32

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200396 | VŨ HẢI ĐĂNG            | 19/08/1991 | Chẩn đoán hình ảnh     | 304A      |             |
| 2  | 02200011 | PHAN THỊ LAN PHƯƠNG    | 08/09/1984 | Chẩn đoán hình ảnh     | 304A      |             |
| 3  | 02200445 | NGUYỄN THỊ HẢO         | 23/11/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 4  | 02200792 | ĐINH THỊ THANH HUỆ     | 04/08/1991 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 5  | 02200884 | LƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG    | 08/12/1988 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 6  | 02200100 | LÊ CHÍ HUY             | 06/12/1983 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 7  | 02200203 | ĐINH THỊ PHƯƠNG LIÊN   | 12/10/1979 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 8  | 02200180 | NGUYỄN THỊ THÙY LINH   | 25/04/1991 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 9  | 02200213 | DOÃN THỊ NGÀ           | 25/11/1993 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 10 | 02200195 | NGUYỄN THỊ THANH NHIỆM | 24/02/1986 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 11 | 02200811 | NGÔ THỊ THÚY           | 12/08/1993 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 304A      |             |
| 12 | 02200695 | TRẦN XUÂN QUYẾT        | 17/02/1995 | Dinh dưỡng             | 304A      |             |
| 13 | 02200549 | LƯƠNG THỊ NGHĨA VÂN    | 19/05/1973 | Dinh dưỡng             | 304A      |             |
| 14 | 02200605 | NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH     | 15/09/1993 | Gây mê hồi sức         | 304A      |             |
| 15 | 02200120 | PHAN VĂN HẢO           | 24/09/1990 | Gây mê hồi sức         | 304A      |             |
| 16 | 02200077 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG       | 25/04/1990 | Gây mê hồi sức         | 304A      |             |
| 17 | 02200524 | LÊ ĐẶNG QUỲNH TRANG    | 12/06/1990 | Hóa sinh Y học         | 304A      |             |
| 18 | 02200564 | LÊ ĐỨC THUẬN           | 07/11/1993 | Hồi sức cấp cứu        | 304A      |             |
| 19 | 02200393 | NGUYỄN NGỌC UYÊN       | 15/11/1989 | Hồi sức cấp cứu        | 304A      |             |
| 20 | 02200706 | ĐÀM THỊ HIỀN           | 05/08/1992 | Huyết học - Truyền máu | 304A      |             |
| 21 | 02200327 | ĐÀO THỊ QUỲNH NGÀ      | 09/01/1988 | Kỹ thuật y học         | 304A      |             |
| 22 | 02200495 | BÙI THỊ NGỌC ANH       | 12/03/1992 | Lão khoa               | 304A      |             |
| 23 | 02200617 | VŨ THỊ MAI ANH         | 04/10/1994 | Mô phôi thai học       | 304A      |             |
| 24 | 02200235 | NGUYỄN VĂN AN          | 02/12/1989 | Ngoại khoa             | 304A      |             |
| 25 | 02200278 | HÀ TRUNG CHÍNH         | 14/02/1993 | Ngoại khoa             | 304A      |             |
| 26 | 02200719 | NGUYỄN NGỌC HẢI        | 27/07/1990 | Ngoại khoa             | 304A      |             |
| 27 | 02200849 | VŨ TÚ NAM              | 07/10/1989 | Ngoại khoa             | 304A      |             |
| 28 | 02200165 | TRẦN QUỐC TUẤN         | 12/10/1993 | Ngoại khoa             | 304A      |             |
| 29 | 02200092 | NINH QUANG HƯNG        | 08/08/1993 | Nhãn khoa              | 304A      |             |
| 30 | 02200512 | NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH   | 11/03/1992 | Nội khoa               | 304A      |             |
| 31 | 02200569 | NGUYỄN PHƯƠNG HOA      | 13/12/1992 | Nội khoa               | 304A      |             |
| 32 | 02200126 | HOÀNG THỊ DIỄM HƯƠNG   | 16/06/1993 | Nội khoa               | 304A      |             |
| 33 | 02200783 | TRỊNH VĂN THÂN         | 22/10/1992 | Nội khoa               | 304A      |             |
| 34 | 02200136 | NGÔ XUÂN TRƯỜNG        | 05/09/1987 | Nội khoa               | 304A      |             |
| 35 | 02200156 | ĐẶNG VIỆT LONG         | 29/03/1991 | Nội Tim mạch           | 304A      |             |
| 36 | 02200166 | BÙI THẾ HÀ             | 22/04/1993 | Răng - Hàm - Mặt       | 304A      |             |
| 37 | 02200119 | TRẦN THỊ MINH THU      | 16/09/1989 | Sản phụ khoa           | 304A      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|--------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 38 | 02200370 | ĐẶNG BÁ TỎA        | 17/08/1992 | Truyền nhiễm         | 304A      |             |
| 39 | 02200736 | ĐỖ ĐỨC HUY HOÀNG   | 20/02/1990 | Ung thư              | 304A      |             |
| 40 | 02200737 | ĐINH THỊ THU TRANG | 13/12/1988 | Y học cổ truyền      | 304A      |             |
| 41 | 02200094 | ĐÀO THỊ PHÚC       | 13/03/1991 | Y học dự phòng       | 304A      |             |
| 42 | 02200688 | PHẠM THU THÚY      | 30/09/1983 | Y học dự phòng       | 304A      |             |
| 43 | 02200498 | NGÔ VĂN TRỊ        | 15/05/1984 | Y học dự phòng       | 304A      |             |
| 44 | 02200031 | DƯƠNG HOÀNG THÀNH  | 18/02/1993 | Y học gia đình       | 304A      |             |
| 45 | 02200372 | NGUYỄN LỆ THỦY     | 10/06/1989 | Y sinh học di truyền | 304A      |             |

Tổng số: 45

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi      | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|--------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200799 | VŨ THỊ THANH HƯƠNG    | 10/07/1991 | Chẩn đoán hình ảnh       | 401A      |             |
| 2  | 02200318 | VŨ QUANG TIỆP         | 16/10/1987 | Chẩn đoán hình ảnh       | 401A      |             |
| 3  | 02200697 | NGÔ MẠNH CƯỜNG        | 09/10/1980 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 401A      |             |
| 4  | 02200226 | TRẦN THỊ KIM OANH     | 05/12/1987 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 401A      |             |
| 5  | 02200080 | NGUYỄN THỊ NHƯ LY     | 29/07/1993 | Dinh dưỡng               | 401A      |             |
| 6  | 02200103 | VŨ KHẮC THƯỜNG        | 20/08/1994 | Dinh dưỡng               | 401A      |             |
| 7  | 02200347 | NGUYỄN THỊ VINH       | 19/11/1992 | Dinh dưỡng               | 401A      |             |
| 8  | 02200627 | PHẠM THỊ HÀ           | 12/07/1992 | Gây mê hồi sức           | 401A      |             |
| 9  | 02200573 | NGUYỄN VĂN THANH      | 23/01/1985 | Gây mê hồi sức           | 401A      |             |
| 10 | 02200829 | LÊ VĂN KỶ             | 07/07/1990 | Giải phẫu bệnh           | 401A      |             |
| 11 | 02200388 | NGUYỄN MINH HẢI       | 26/12/1991 | Hồi sức cấp cứu          | 401A      |             |
| 12 | 02200473 | NGÔ XUÂN BAN          | 13/05/1992 | Ngoại khoa               | 401A      |             |
| 13 | 02200435 | TRỊNH TUẤN DƯƠNG      | 13/06/1990 | Ngoại khoa               | 401A      |             |
| 14 | 02200302 | ĐỒNG THỊ HƯƠNG        | 25/02/1993 | Ngoại khoa               | 401A      |             |
| 15 | 02200206 | VŨ THU HƯƠNG          | 18/11/1992 | Nhân khoa                | 401A      |             |
| 16 | 02200135 | NGUYỄN VĂN MẠNH       | 04/05/1994 | Nhân khoa                | 401A      |             |
| 17 | 02200813 | LÊ MINH HẰNG          | 05/01/1987 | Nội khoa                 | 401A      |             |
| 18 | 02200268 | VŨ CÔNG HOAN          | 09/03/1991 | Nội khoa                 | 401A      |             |
| 19 | 02200861 | TRỊNH THỊ LÝ          | 03/08/1989 | Nội khoa                 | 401A      |             |
| 20 | 02200168 | LÊ XUÂN VŨNG          | 01/03/1991 | Nội khoa                 | 401A      |             |
| 21 | 02200727 | NGUYỄN THỊ TRANG      | 27/10/1993 | Răng - Hàm - Mặt         | 401A      |             |
| 22 | 02200710 | NGUYỄN THỊ THU GIANG  | 20/10/1994 | Sản phụ khoa             | 401A      |             |
| 23 | 02200340 | VŨ ANH MINH           | 28/07/1991 | Sản phụ khoa             | 401A      |             |
| 24 | 02200757 | LÒ MINH TRỌNG         | 01/07/1990 | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | 401A      |             |
| 25 | 02200199 | KHÔNG THỊ THIÊN HƯƠNG | 01/11/1992 | Tai - Mũi - Họng         | 401A      |             |
| 26 | 02200523 | NGUYỄN VĂN CÔNG       | 03/11/1990 | Ung thư                  | 401A      |             |
| 27 | 02200830 | ĐOÀN HỮU ĐẠT          | 12/08/1989 | Ung thư                  | 401A      |             |
| 28 | 02200428 | NGUYỄN THỊ HOA        | 06/01/1993 | Ung thư                  | 401A      |             |
| 29 | 02200853 | NGUYỄN THỊ TRANG      | 11/01/1992 | Y học dự phòng           | 401A      |             |

Tổng số: 29

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200378 | VŨ THỊ HÂN             | 04/08/1990 | Chẩn đoán hình ảnh  | 401B      |             |
| 2  | 02200171 | PHẠM MINH CHÂU         | 02/02/1994 | Dinh dưỡng          | 401B      |             |
| 3  | 02200717 | TỔNG THỊ CÚC           | 01/06/1991 | Dinh dưỡng          | 401B      |             |
| 4  | 02200659 | VŨ NGUYỄN HUYỀN NGÀ    | 01/11/1994 | Dinh dưỡng          | 401B      |             |
| 5  | 02200767 | NGUYỄN THỊ THƠM        | 17/06/1989 | Dinh dưỡng          | 401B      |             |
| 6  | 02200756 | ĐÀM THỊ THU HƯỜNG      | 06/01/1993 | Gây mê hồi sức      | 401B      |             |
| 7  | 02200239 | VŨ XUÂN NGỌC           | 08/02/1992 | Giải phẫu bệnh      | 401B      |             |
| 8  | 02200759 | NGUYỄN VĂN THUYỀN      | 03/07/1992 | Hồi sức cấp cứu     | 401B      |             |
| 9  | 02200152 | VŨ THANH TÙNG          | 16/01/1992 | Hồi sức cấp cứu     | 401B      |             |
| 10 | 02200301 | HÀ VĂN ĐẠI             | 19/04/1990 | Kỹ thuật y học      | 401B      |             |
| 11 | 02200324 | TRẦN THỊ NGÂN          | 12/10/1987 | Kỹ thuật y học      | 401B      |             |
| 12 | 02200320 | PHẠM THANH PHƯƠNG      | 24/08/1993 | Kỹ thuật y học      | 401B      |             |
| 13 | 02200621 | PHẠM NGỌC DANH         | 03/07/1990 | Ngoại khoa          | 401B      |             |
| 14 | 02200394 | TRẦN XUÂN NAM          | 06/04/1989 | Ngoại khoa          | 401B      |             |
| 15 | 02200609 | PHẠM THỊ VIỆT NGỌC     | 10/04/1986 | Ngoại khoa          | 401B      |             |
| 16 | 02200099 | VŨ VĂN TRƯỜNG          | 22/12/1990 | Nhân khoa           | 401B      |             |
| 17 | 02200701 | TRẦN QUỐC KHÁNH        | 03/09/1991 | Nội khoa            | 401B      |             |
| 18 | 02200310 | VŨ THỊ TUYẾT NGÂN      | 23/02/1989 | Nội khoa            | 401B      |             |
| 19 | 02200107 | VŨ THỊ BÍCH NGỌC       | 20/05/1986 | Nội khoa            | 401B      |             |
| 20 | 02200096 | TẠ HÙNG MẠNH           | 27/07/1993 | Phục hồi chức năng  | 401B      |             |
| 21 | 02200112 | ĐẬU ĐỨC THÀNH          | 28/11/1991 | Răng - Hàm - Mặt    | 401B      |             |
| 22 | 02200222 | NGUYỄN VĂN TÙNG        | 19/10/1991 | Răng - Hàm - Mặt    | 401B      |             |
| 23 | 02200846 | NGUYỄN THỊ THU         | 06/10/1989 | Sản phụ khoa        | 401B      |             |
| 24 | 02200683 | TRƯƠNG MẠNH CƯỜNG      | 20/01/1991 | Tai - Mũi - Họng    | 401B      |             |
| 25 | 02200652 | NGUYỄN THỊ THU         | 25/06/1993 | Tai - Mũi - Họng    | 401B      |             |
| 26 | 02200433 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG | 10/05/1993 | Ung thư             | 401B      |             |
| 27 | 02200746 | PHÙNG QUỐC ĐIẾP        | 04/02/1984 | Y học dự phòng      | 401B      |             |
| 28 | 02200127 | NGUYỄN MẠNH HƯNG       | 10/11/1990 | Y học dự phòng      | 401B      |             |

Tổng số: 28

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29 

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi         | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|-----------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200449 | NGUYỄN THỊ HẰNG       | 16/01/1993 | Chẩn đoán hình ảnh          | 402A      |             |
| 2  | 02200436 | NÔNG THỊ BÍCH NGỌC    | 23/10/1991 | Chẩn đoán hình ảnh          | 402A      |             |
| 3  | 02200371 | TRẦN THỊ THÚY         | 06/12/1990 | Chẩn đoán hình ảnh          | 402A      |             |
| 4  | 02200209 | DƯƠNG THU HIỀN        | 14/05/1989 | Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng | 402A      |             |
| 5  | 02200658 | HÀ THỊ GIANG          | 29/03/1993 | Điều dưỡng - Hộ sinh        | 402A      |             |
| 6  | 02200106 | HOÀNG THỊ GIANG       | 08/07/1994 | Điều dưỡng - Hộ sinh        | 402A      |             |
| 7  | 02200626 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ  | 19/05/1992 | Điều dưỡng - Hộ sinh        | 402A      |             |
| 8  | 02200471 | TRỊNH THỊ THANH TUYỀN | 03/11/1985 | Điều dưỡng - Hộ sinh        | 402A      |             |
| 9  | 02200863 | LÊ THỊ ÁNH TUYẾT      | 28/04/1977 | Điều dưỡng - Hộ sinh        | 402A      |             |
| 10 | 02200715 | LÊ THỊ HIỆP           | 02/08/1989 | Dinh dưỡng                  | 402A      |             |
| 11 | 02200881 | VŨ VĂN QUYẾT          | 26/05/1991 | Dinh dưỡng                  | 402A      |             |
| 12 | 02200860 | TRẦN THỊ HUỆ          | 15/01/1993 | Gây mê hồi sức              | 402A      |             |
| 13 | 02200531 | TRỊNH XUÂN KHÁNH      | 08/02/1993 | Gây mê hồi sức              | 402A      |             |
| 14 | 02200253 | ĐỖ THANH HÒA          | 11/09/1992 | Kỹ thuật y học              | 402A      |             |
| 15 | 02200842 | PHẠM TRUNG HIẾU       | 20/10/1989 | Ngoại khoa                  | 402A      |             |
| 16 | 02200040 | TRẦN VĂN TRƯỜNG       | 22/06/1993 | Ngoại khoa                  | 402A      |             |
| 17 | 02200419 | DƯƠNG VĂN TÚ          | 09/08/1992 | Ngoại khoa                  | 402A      |             |
| 18 | 02200354 | NGUYỄN XUÂN TUYỀN     | 21/12/1994 | Ngoại khoa                  | 402A      |             |
| 19 | 02200309 | VŨ PHI HÙNG           | 23/07/1993 | Nội khoa                    | 402A      |             |
| 20 | 02200006 | TRỊNH THÁI BẢO        | 12/08/1992 | Nội Tim mạch                | 402A      |             |
| 21 | 02200484 | TRẦN HỮU NGHỊ         | 18/05/1989 | Nội Tim mạch                | 402A      |             |
| 22 | 02200680 | TRẦN THU HƯƠNG        | 14/11/1991 | Răng - Hàm - Mặt            | 402A      |             |
| 23 | 02200157 | KHIẾU THANH TÙNG      | 24/03/1990 | Răng - Hàm - Mặt            | 402A      |             |
| 24 | 02200019 | ĐOÀN THANH TÙNG       | 18/08/1991 | Sản phụ khoa                | 402A      |             |
| 25 | 02200216 | NGUYỄN VĂN HÙNG       | 11/11/1986 | Tai - Mũi - Họng            | 402A      |             |
| 26 | 02200413 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG    | 10/02/1993 | Tai - Mũi - Họng            | 402A      |             |
| 27 | 02200862 | NGUYỄN HOÀNG YẾN      | 28/02/1986 | Tâm thần                    | 402A      |             |
| 28 | 02200623 | LÊ XUÂN TÙNG          | 08/10/1993 | Thần kinh                   | 402A      |             |
| 29 | 02200124 | NGUYỄN MẠNH KỶ        | 08/06/1988 | Y học cổ truyền             | 402A      |             |
| 30 | 02200217 | NGHIÊM VĂN MẠNH       | 15/05/1983 | Y học cổ truyền             | 402A      |             |
| 31 | 02200744 | CHU TIẾN THÀNH        | 12/05/1994 | Y học dự phòng              | 402A      |             |
| 32 | 02200091 | LÊ THỊ QUỲNH TRANG    | 04/02/1991 | Y học dự phòng              | 402A      |             |

Tổng số: 32

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200818 | NGUYỄN CÔNG DUY        | 20/09/1988 | Chẩn đoán hình ảnh     | 402B      |             |
| 2  | 02200312 | VŨ THỊ HOA             | 08/07/1988 | Chẩn đoán hình ảnh     | 402B      |             |
| 3  | 02200012 | VƯƠNG ĐỨC NAM          | 31/10/1992 | Chẩn đoán hình ảnh     | 402B      |             |
| 4  | 02200292 | VŨ MINH QUÝ            | 19/12/1993 | Chẩn đoán hình ảnh     | 402B      |             |
| 5  | 02200064 | PHẠM THỊ THU HẰNG      | 09/11/1989 | Da liễu                | 402B      |             |
| 6  | 02200743 | LƯƠNG THỊ NHUNG        | 25/11/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 402B      |             |
| 7  | 02200864 | ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO   | 29/10/1982 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 402B      |             |
| 8  | 02200888 | LÊ THỊ TRANG           | 25/10/1990 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 402B      |             |
| 9  | 02200735 | PHẠM THỊ VUI           | 18/06/1991 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 402B      |             |
| 10 | 02200042 | PHẠM THỊ KIM ANH       | 18/09/1993 | Dinh dưỡng             | 402B      |             |
| 11 | 02200552 | ĐINH BẠT BÁCH          | 10/10/1990 | Dinh dưỡng             | 402B      |             |
| 12 | 02200643 | LÊ ĐỨC DŨNG            | 12/10/1998 | Dinh dưỡng             | 402B      |             |
| 13 | 02200344 | TRƯƠNG THỊ THU HƯỜNG   | 30/10/1984 | Dinh dưỡng             | 402B      |             |
| 14 | 02200043 | NGUYỄN HỮU HỒNG QUÂN   | 25/12/1991 | Hồi sức cấp cứu        | 402B      |             |
| 15 | 02200159 | PHẠM THỊ YẾN THƯ       | 05/12/1990 | Huyết học - Truyền máu | 402B      |             |
| 16 | 02200534 | NGUYỄN TIẾN LONG       | 31/10/1993 | Kỹ thuật y học         | 402B      |             |
| 17 | 02200097 | PHẠM THỊ TUYẾN         | 11/06/1992 | Kỹ thuật y học         | 402B      |             |
| 18 | 02200079 | NGUYỄN QUANG QUÝ       | 05/08/1988 | Lão khoa               | 402B      |             |
| 19 | 02200321 | TRẦN XUÂN THẨM         | 18/10/1992 | Ngoại khoa             | 402B      |             |
| 20 | 02200363 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH    | 09/06/1991 | Nội khoa               | 402B      |             |
| 21 | 02200174 | NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH  | 08/05/1989 | Nội khoa               | 402B      |             |
| 22 | 02200108 | NGUYỄN TIÊN PHONG      | 27/08/1992 | Sản phụ khoa           | 402B      |             |
| 23 | 02200266 | DƯƠNG ĐỨC THẮNG        | 10/06/1990 | Sản phụ khoa           | 402B      |             |
| 24 | 02200506 | NGUYỄN THỊ TRANG       | 24/11/1994 | Sản phụ khoa           | 402B      |             |
| 25 | 02200185 | NGUYỄN TUẤN QUANG      | 24/12/1992 | Tai - Mũi - Họng       | 402B      |             |
| 26 | 02200724 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | 22/06/1993 | Tai - Mũi - Họng       | 402B      |             |
| 27 | 02200474 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY | 17/05/1989 | Truyền nhiễm           | 402B      |             |
| 28 | 02200593 | HOÀNG THỊ THUỶ LINH    | 17/03/1992 | Ung thư                | 402B      |             |
| 29 | 02200817 | NGUYỄN VĂN ÁNH         | 26/10/1994 | Y học cổ truyền        | 402B      |             |
| 30 | 02200313 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH   | 24/09/1992 | Y học cổ truyền        | 402B      |             |
| 31 | 02200777 | PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG    | 28/05/1994 | Y học dự phòng         | 402B      |             |
| 32 | 02200155 | NGUYỄN THỊ LINH        | 02/09/1987 | Y học dự phòng         | 402B      |             |
| 33 | 02200095 | NGUYỄN ĐÌNH VẠN        | 15/07/1986 | Y học dự phòng         | 402B      |             |
| 34 | 02200430 | NGUYỄN THỊ THÙY LINH   | 20/12/1994 | Y sinh học di truyền   | 402B      |             |

Tổng số: 34

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29

| TT | SBD      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi    | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|------------------------|------------|------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200274 | ĐÀO VĂN LÝ             | 13/09/1990 | Chẩn đoán hình ảnh     | 403A      |             |
| 2  | 02200265 | NGUYỄN THỊ TÂM         | 08/08/1988 | Chẩn đoán hình ảnh     | 403A      |             |
| 3  | 02200870 | NIÊN THỊ THIÊN MỸ      | 08/08/1996 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 403A      |             |
| 4  | 02200044 | PHẠM THỊ THU PHƯƠNG    | 04/06/1994 | Điều dưỡng - Hộ sinh   | 403A      |             |
| 5  | 02200186 | PHẠM THỊ OANH          | 31/10/1996 | Dinh dưỡng             | 403A      |             |
| 6  | 02200225 | TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG    | 01/07/1991 | Dinh dưỡng             | 403A      |             |
| 7  | 02200653 | BÙI HỮU HÙNG           | 04/11/1990 | Gây mê hồi sức         | 403A      |             |
| 8  | 02200470 | BÙI TẤT LUẬT           | 05/11/1990 | Hồi sức cấp cứu        | 403A      |             |
| 9  | 02200718 | NGUYỄN VĂN MẠNH        | 10/10/1991 | Hồi sức cấp cứu        | 403A      |             |
| 10 | 02200069 | BÙI MẠNH TIẾN          | 18/09/1989 | Hồi sức cấp cứu        | 403A      |             |
| 11 | 02200346 | HOÀNG THỊ HUYỀN        | 18/05/1991 | Huyết học - Truyền máu | 403A      |             |
| 12 | 02200691 | HOÀNG TUẤN ANH         | 11/02/1992 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 13 | 02200520 | TRẦN VĂN BỒN           | 13/03/1993 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 14 | 02200230 | VŨ MINH ĐỨC            | 18/09/1992 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 15 | 02200215 | NGUYỄN TRUNG NAM       | 16/03/1990 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 16 | 02200218 | TRẦN VĂN QUÝ           | 22/07/1990 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 17 | 02200236 | ĐOÀN VĂN TOÀN          | 26/04/1990 | Ngoại khoa             | 403A      |             |
| 18 | 02200083 | TRẦN QUANG ĐĂNG        | 26/10/1989 | Nội khoa               | 403A      |             |
| 19 | 02200142 | TRẦN THỊ THANH HIỀN    | 22/06/1990 | Nội khoa               | 403A      |             |
| 20 | 02200139 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THỦY   | 02/07/1990 | Nội khoa               | 403A      |             |
| 21 | 02200444 | LẠI TẤN PHÁT           | 01/10/1988 | Nội Tim mạch           | 403A      |             |
| 22 | 02200566 | VŨ THỊ QUỲNH HÀ        | 11/02/1981 | Răng - Hàm - Mặt       | 403A      |             |
| 23 | 02200084 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG      | 02/11/1991 | Sản phụ khoa           | 403A      |             |
| 24 | 02200299 | BÙI SƠN THẮNG          | 11/02/1992 | Sản phụ khoa           | 403A      |             |
| 25 | 02200133 | NGUYỄN VIỆT TRUNG HIẾU | 22/10/1994 | Tai - Mũi - Họng       | 403A      |             |
| 26 | 02200039 | VŨ LAN PHƯƠNG          | 31/01/1990 | Tai - Mũi - Họng       | 403A      |             |
| 27 | 02200602 | NGUYỄN QUANG DUY       | 02/10/1993 | Ung thư                | 403A      |             |
| 28 | 02200866 | NGUYỄN MINH HOÀNG      | 04/11/1993 | Ung thư                | 403A      |             |
| 29 | 02200649 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY  | 22/01/1989 | Ung thư                | 403A      |             |
| 30 | 02200764 | NGUYỄN THU TRANG       | 18/05/1990 | Ung thư                | 403A      |             |
| 31 | 02200140 | NGUYỄN THỊ LƯƠNG       | 12/01/1991 | Vi sinh y học          | 403A      |             |
| 32 | 02200056 | TRỊNH KIỀU ANH         | 24/10/1993 | Y học cổ truyền        | 403A      |             |
| 33 | 02200411 | LÒ THÚY AN             | 01/08/1989 | Y học dự phòng         | 403A      |             |
| 34 | 02200528 | ĐẶNG THU HUYỀN         | 14/04/1973 | Y học dự phòng         | 403A      |             |

Tổng số: 34

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi  | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|----------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200357 | ĐÀO QUANG ANH         | 15/07/1992 | Chẩn đoán hình ảnh   | 403B      |             |
| 2  | 02200250 | CÀM MẠNH HÙNG         | 10/02/1991 | Chẩn đoán hình ảnh   | 403B      |             |
| 3  | 02200427 | NGUYỄN THỊ THƯƠNG     | 13/02/1993 | Chẩn đoán hình ảnh   | 403B      |             |
| 4  | 02200567 | ĐỖ HOÀNG TRỌNG        | 15/11/1992 | Chẩn đoán hình ảnh   | 403B      |             |
| 5  | 02200034 | PHÙNG THỊ CHUYỀN      | 14/02/1990 | Da liễu              | 403B      |             |
| 6  | 02200828 | TRẦN HẬU THẠCH LÂM    | 16/02/1991 | Da liễu              | 403B      |             |
| 7  | 02200317 | NGUYỄN THANH SƠN      | 07/03/1986 | Da liễu              | 403B      |             |
| 8  | 02200051 | TRẦN THỦY TRANG       | 16/04/1989 | Da liễu              | 403B      |             |
| 9  | 02200162 | HÀ THỊ VÂN ANH        | 11/06/1984 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 403B      |             |
| 10 | 02200303 | DƯƠNG THỊ DUNG        | 26/07/1993 | Điều dưỡng - Hộ sinh | 403B      |             |
| 11 | 02200868 | NGUYỄN THỊ TỐ ANH     | 22/12/1993 | Dinh dưỡng           | 403B      |             |
| 12 | 02200503 | VÕ THỊ TRANG          | 04/04/1992 | Dinh dưỡng           | 403B      |             |
| 13 | 02200249 | NGUYỄN MINH TRANG     | 05/01/1996 | Dinh dưỡng           | 403B      |             |
| 14 | 02200841 | NGUYỄN QUỲNH GIAO     | 30/10/1986 | Hóa sinh Y học       | 403B      |             |
| 15 | 02200490 | NGUYỄN THỊ HUỆ        | 13/11/1988 | Hồi sức cấp cứu      | 403B      |             |
| 16 | 02200447 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN | 18/10/1989 | Lão khoa             | 403B      |             |
| 17 | 02200508 | GIANG LỘC ANH         | 11/10/1993 | Ngoại khoa           | 403B      |             |
| 18 | 02200619 | NGUYỄN ĐÌNH MẠNH      | 23/07/1994 | Ngoại khoa           | 403B      |             |
| 19 | 02200281 | NGUYỄN BÁ SƠN         | 27/06/1994 | Ngoại khoa           | 403B      |             |
| 20 | 02200438 | LÊ PHÙNG THÀNH        | 26/08/1993 | Ngoại khoa           | 403B      |             |
| 21 | 02200138 | ĐỖ THỊ HUỖN           | 15/08/1993 | Nhân khoa            | 403B      |             |
| 22 | 02200331 | LÊ THỊ HUỆ            | 17/01/1991 | Nội khoa             | 403B      |             |
| 23 | 02200200 | ĐỖ ĐỨC THỊNH          | 09/11/1993 | Nội Tim mạch         | 403B      |             |
| 24 | 02200687 | NGUYỄN VĂN ĐÔNG       | 16/12/1990 | Răng - Hàm - Mặt     | 403B      |             |
| 25 | 02200150 | NGUYỄN THỊ HƯỜNG      | 09/07/1994 | Răng - Hàm - Mặt     | 403B      |             |
| 26 | 02200545 | PHẠM MINH THẢO        | 02/02/1992 | Răng - Hàm - Mặt     | 403B      |             |
| 27 | 02200334 | ĐỖ HOÀNG QUỐC CHINH   | 29/08/1994 | Tai - Mũi - Họng     | 403B      |             |
| 28 | 02200045 | ĐÀM THANH HIẾU        | 15/09/1988 | Tai - Mũi - Họng     | 403B      |             |
| 29 | 02200244 | NGUYỄN ĐĂNG TÙNG      | 08/08/1981 | Tai - Mũi - Họng     | 403B      |             |
| 30 | 02200776 | NGÔ VĂN VINH          | 13/09/1991 | Truyền nhiễm         | 403B      |             |
| 31 | 02200377 | HỒ VĂN CHIẾN          | 19/07/1991 | Ung thư              | 403B      |             |
| 32 | 02200149 | LÊ HUY THẮNG          | 20/02/1991 | Ung thư              | 403B      |             |
| 33 | 02200237 | NGUYỄN NGỌC TUỆ       | 28/08/1992 | Ung thư              | 403B      |             |
| 34 | 02200004 | TRẦN THỊ LÝ           | 05/08/1991 | Y học dự phòng       | 403B      |             |

Tổng số: 34

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi      | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------------|------------|--------------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200426 | NGUYỄN THỊ CHINH      | 08/05/1981 | Chẩn đoán hình ảnh       | 404A      |             |
| 2  | 02200224 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG LIÊN    | 16/11/1983 | Chẩn đoán hình ảnh       | 404A      |             |
| 3  | 02200579 | HÀ THỊ LOAN           | 07/07/1987 | Chẩn đoán hình ảnh       | 404A      |             |
| 4  | 02200698 | NGUYỄN NGỌC SƠN       | 28/07/1990 | Chẩn đoán hình ảnh       | 404A      |             |
| 5  | 02200578 | ĐẶNG TÚ ANH           | 19/08/1994 | Da liễu                  | 404A      |             |
| 6  | 02200575 | TRIỆU THỊ HUYỀN TRANG | 02/02/1989 | Da liễu                  | 404A      |             |
| 7  | 02200805 | NGUYỄN MINH CHÂU      | 25/01/1985 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 404A      |             |
| 8  | 02200833 | TRẦN THỊ DUNG         | 08/07/1995 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 404A      |             |
| 9  | 02200858 | HOÀNG THỊ THUỶ LINH   | 07/10/1982 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 404A      |             |
| 10 | 02200368 | TRẦN THỊ HIỀN LĨNH    | 20/11/1982 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 404A      |             |
| 11 | 02200101 | NGUYỄN TÚ UYÊN        | 24/03/1993 | Điều dưỡng - Hộ sinh     | 404A      |             |
| 12 | 02200812 | LÊ THỊ THU HƯỜNG      | 07/01/1990 | Dinh dưỡng               | 404A      |             |
| 13 | 02200832 | LÊ THỊ DIỄM MY        | 13/08/1989 | Dinh dưỡng               | 404A      |             |
| 14 | 02200450 | NGUYỄN HỮU VIỆT ANH   | 25/08/1989 | Hồi sức cấp cứu          | 404A      |             |
| 15 | 02200026 | NGUYỄN THỊ MINH HẢO   | 22/08/1989 | Hồi sức cấp cứu          | 404A      |             |
| 16 | 02200242 | TRƯƠNG QUÝ HOÀNG      | 15/11/1990 | Hồi sức cấp cứu          | 404A      |             |
| 17 | 02200409 | NGUYỄN MẠNH CƯỜNG     | 20/02/1983 | Kỹ thuật y học           | 404A      |             |
| 18 | 02200467 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH  | 23/05/1993 | Kỹ thuật y học           | 404A      |             |
| 19 | 02200263 | NGUYỄN THỊ THANH HOA  | 28/11/1988 | Kỹ thuật y học           | 404A      |             |
| 20 | 02200297 | ĐỖ THỊ THANH HUYỀN    | 09/07/1993 | Kỹ thuật y học           | 404A      |             |
| 21 | 02200561 | HOÀNG ANH TÙNG        | 30/03/1991 | Kỹ thuật y học           | 404A      |             |
| 22 | 02200439 | LƯƠNG HỮU DŨNG        | 19/06/1991 | Ngoại khoa               | 404A      |             |
| 23 | 02200803 | NGUYỄN HỮU HÙNG       | 27/06/1991 | Ngoại khoa               | 404A      |             |
| 24 | 02200144 | ĐỒNG TIẾN PHÚC        | 06/11/1990 | Ngoại khoa               | 404A      |             |
| 25 | 02200024 | ĐỖ LONG THÀNH         | 25/12/1994 | Ngoại khoa               | 404A      |             |
| 26 | 02200109 | BÙI VŨ TRUNG          | 27/02/1988 | Ngoại khoa               | 404A      |             |
| 27 | 02200386 | PHẠM HOÀNG DƯƠNG      | 28/04/1989 | Nhân khoa                | 404A      |             |
| 28 | 02200576 | VŨ THỊ NGỌC THÀNH     | 24/11/1991 | Nội khoa                 | 404A      |             |
| 29 | 02200007 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 16/07/1981 | Nội Tim mạch             | 404A      |             |
| 30 | 02200076 | NGUYỄN QUANG KHẢI     | 14/04/1983 | Răng - Hàm - Mặt         | 404A      |             |
| 31 | 02200356 | HOÀNG THỊ THU TRANG   | 03/01/1992 | Răng - Hàm - Mặt         | 404A      |             |
| 32 | 02200251 | DOÃN VĂN KHU          | 01/08/1990 | Sản phụ khoa             | 404A      |             |
| 33 | 02200197 | TRẦN THỊ HỒNG NGỌC    | 19/07/1993 | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | 404A      |             |
| 34 | 02200422 | VI TUẤN ANH           | 17/11/1988 | Ung thư                  | 404A      |             |
| 35 | 02200606 | NGUYỄN THỊ HÒA        | 12/01/1986 | Ung thư                  | 404A      |             |
| 36 | 02200020 | LÊ NGỌC PHÚC          | 28/09/1988 | Ung thư                  | 404A      |             |
| 37 | 02200667 | HOÀNG NGỌC TÙNG       | 17/09/1991 | Ung thư                  | 404A      |             |



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên       | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|-----------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 38 | 02200540 | TRẦN ĐĂNG TRUNG | 15/03/1989 | Y học cổ truyền     | 404A      |             |
| 39 | 02200002 | ĐỖ DUY HÙNG     | 23/04/1989 | Y học dự phòng      | 404A      |             |
| 40 | 02200779 | PHẠM THỊ QUÂN   | 25/03/1989 | Y học dự phòng      | 404A      |             |
| 41 | 02200625 | PHẠM THỊ THOA   | 26/11/1987 | Y học dự phòng      | 404A      |             |
| 42 | 02200597 | TRẦN VĂN GIANG  | 13/02/1987 | Y học hạt nhân      | 404A      |             |
| 43 | 02200699 | PHAN NHẬT LĨNH  | 21/04/1983 | Y pháp              | 404A      |             |

Tổng số: 43

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 29**

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chuyên ngành dự thi | Phòng thi | Ký nhận thẻ |
|----|----------|----------------------|------------|---------------------|-----------|-------------|
| 1  | 02200728 | NGÔ THỊ HIỀN         | 08/11/1992 | Da liễu             | 102       |             |
| 2  | 02200332 | ĐÀO THỊ THU HỒNG     | 04/03/1993 | Dinh dưỡng          | 102       |             |
| 3  | 02200367 | BÙI THỊ HẰNG         | 23/10/1990 | Nội khoa            | 102       |             |
| 4  | 02200583 | LÊ THỊ PHƯƠNG        | 16/11/1993 | Nội khoa            | 102       |             |
| 5  | 02200778 | VŨ ĐÌNH HÙNG         | 17/03/1992 | Sản phụ khoa        | 102       |             |
| 6  | 02200517 | LÊ THỊ CẨM HƯƠNG     | 21/06/1992 | Tâm thần            | 102       |             |
| 7  | 02200338 | PHẠM XUÂN CƯỜNG      | 18/09/1994 | Ung thư             | 102       |             |
| 8  | 02200476 | PHÙNG THỊ KHÁNH THẢO | 20/02/1992 | Vi sinh y học       | 102       |             |
| 9  | 02200164 | NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG     | 14/09/1990 | Y học cổ truyền     | 102       |             |

Tổng số: 9

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**